

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Lê Thị Minh Hằng** - Xây dựng bản đồ định vị - nghiên cứu cho ngành xi măng. *Mã số: 129.1TrEM.11* 2
Building up Positioning Map – A Study for Cement Industry
- 2. Trần Thu Thủy** - Việc làm của người dân ven biển Tỉnh Hà Tĩnh sau biến cố môi trường biển và một số gợi ý chính sách. *Mã số: 129.1DEco.12* 13
Employment of coastal people in Ha Tinh Province after the marine environmental event and some policy suggestions
- 3. Vũ Văn Hùng** - Nghiên cứu khám phá các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế. *Mã số: 129.IIEM.11* 21
A Study on Factors Affecting the Efficiency of State Economic Management in Vietnam in the Context of International Integration

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Đào Thanh Bình** - Phương pháp định giá và nghiên cứu tình huống trái phiếu chuyển đổi có điều kiện (CoCo) tại Ngân hàng An Bình. *Mã số: 129.2FiBa.21* 32
Method of valuation and study of conditional convertible bond situations (CoCo) at An Binh Bank
- 5. Nguyễn Thị Phương Liên và Nguyễn Tuấn Anh** - Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giá ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam. *Mã số: 129.2SMET.22* 42
Experience in Transfer Pricing Management of Other Countries and Lessons for Vietnam
- 6. Nguyễn Hoàng Việt, Nguyễn Bách Khoa, Nguyễn Thế Ninh, Vũ Phương Anh và Nguyễn Hoàng Nam** - Mô hình nghiên cứu các yếu tố thúc đẩy và cản trở hành vi mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam. *Mã số: 129.2BMkt.22* 49
The Study Model of Factors Promoting and Hindering Organic Food Buying Behavior of Vietnamese Consumers

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 7. Nguyễn Thị Hằng** - Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thái Nguyên - Bài học cho các tỉnh Trung Du và miền núi phía Bắc. *Mã số: 129.3TrEM.32* 57
Attracting Foreign Direct Investment in Thai Nguyen - Lessons for the Midlands and Northern Mountainous Provinces
- 8. Quách Dương Tử và Hồ Hữu Phương Chi** - Yếu tố ảnh hưởng đến khả năng công bố quốc tế của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ. *Mã số: 129.3OMIs.32* 66
Factors Affecting the International Publishing Ability of Can Tho University Lecturers

VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI DÂN VEN BIỂN TỈNH HÀ TĨNH SAU BIẾN CỐ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Trần Thu Thủy
Trường Đại học Hà Tĩnh
Email: thuy.tranthu@htu.edu.vn

Ngày nhận: 11/03/2019

Ngày nhận lại: 09/04/2019

Ngày duyệt đăng: 16/04/2019

Biến cố môi trường biển đã ảnh hưởng lớn đến các tỉnh ven biển miền Trung và Hà Tĩnh là một trong những tỉnh chịu sự ảnh hưởng lớn nhất. Đặc biệt nó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc làm của người dân ven biển, tình trạng thất nghiệp gia tăng, việc chuyển đổi sinh kế cho đến bây giờ vẫn rất khó khăn. Bài viết tổng hợp những ảnh hưởng liên quan đến việc làm và nhu cầu việc làm của người dân ven biển tỉnh Hà Tĩnh sau biến cố môi trường biển cho đến nay và đưa ra một số gợi ý chính sách trong việc ổn định sinh kế cho người dân trong tương lai.

Từ khóa: việc làm, Hà Tĩnh, biến cố, môi trường biển, chính sách.

Tháng 4/2016 tại ven biển 04 tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế đã xảy ra sự cố môi trường biển nghiêm trọng, làm hải sản chết bất thường, hủy hoại môi trường sinh thái biển. Gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội của ngư dân, ảnh hưởng đến đời sống, sinh kế của người dân và đến an ninh, trật tự xã hội của vùng. Dù đến nay nguyên nhân đã được làm rõ Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh (Công ty Formosa Hà Tĩnh - FHS) đã có phương án bồi thường thiệt hại và khắc phục thảm họa. Nhưng những hệ quả tiêu cực về môi trường biển nói riêng và môi trường sinh thái nói chung cần phải mất hàng thập kỷ mới khắc phục được, mặt khác một trong những vấn đề đáng quan tâm đó là những ảnh hưởng về việc làm cho người dân ven biển của các tỉnh bị sự cố. Bài viết xem xét những ảnh hưởng về việc làm của người dân ven biển cụ thể tại tỉnh Hà Tĩnh, một trong những tỉnh có sự ảnh hưởng lớn trực tiếp bởi sự cố, giai đoạn sau biến cố môi trường biển để có cái nhìn tổng quát và có những giải pháp chính sách hợp lý nhằm đảm bảo sinh kế cho người dân trong tương lai.

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu: tổng hợp dữ liệu thứ cấp, phân tích, thống kê... Cụ

thê, nguồn số liệu thứ cấp được lấy từ thông tin điều tra của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh tại các xã ven biển bị ảnh hưởng bởi biến cố môi trường biển, Cục thống kê tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các tài liệu khác có liên quan đến bài viết, các trang web... Trên cơ sở đó, bài viết đã rút ra những nhận xét và đưa ra một số gợi ý chính sách liên quan đến việc làm của người dân ven biển căn cứ vào những phân tích trên.

1. Một số vấn đề về việc làm của người dân ven biển

1.1. Quan niệm về việc làm và việc làm cho người dân ven biển

Ở Việt Nam, quan niệm về việc làm có nhiều thay đổi qua các thời kỳ lịch sử. Trong cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp người lao động được coi là có việc làm và được xã hội thỏa thuận, trân trọng đó là những người làm việc trong các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể. Theo cơ chế đó xã hội không thừa nhận việc làm ở các thành phần kinh tế khác và cũng không thừa nhận có thời gian thiếu việc làm, thất nghiệp.

Từ khi Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới đất nước đến nay, quan niệm việc làm đã được nhìn

nhận đúng đắn, khoa học. Điều 13, Chương II Bộ Luật lao động nước Cộng hòa XHCN Việt Nam chỉ rõ “Mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm”. Với quan niệm này, các hoạt động lao động được xác định là việc làm, bao gồm: toàn bộ các hoạt động tạo ra của cải vật chất hoặc tinh thần không bị pháp luật cấm, được trả công dưới dạng bằng tiền hoặc hiện vật. Tất cả các công việc tự làm mang lại lợi ích cho bản thân hoặc tạo thu nhập cho gia đình, cho cộng đồng, kể cả những công việc không được trả công bằng tiền hoặc bằng hiện vật.

Từ những phân tích các lý thuyết, quan niệm về việc làm nói chung, trên cơ sở thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và các tỉnh ven biển có thể khái quát về quan niệm việc làm cho người dân ven biển đó là hoạt động lao động, là sự kết hợp giữa sức lao động với tư liệu sản xuất theo những điều kiện phù hợp nhất định, nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, đáp ứng lợi ích của người dân, cộng đồng và xã hội. Hoạt động lao động đó không bị pháp luật Việt Nam ngăn cấm.

Như vậy, hoạt động được xem là việc làm của người dân các tỉnh ven biển phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

Thứ nhất, là hoạt động có mục đích của người dân, dùng sức cơ bắp hoặc thần kinh của mình tác động vào đối tượng lao động thông qua công cụ lao động để cải biến nó phù hợp với nhu cầu của họ, cộng đồng, gia đình và xã hội.

Thứ hai, để có việc làm đòi hỏi phải có tư liệu sản xuất và sức lao động.

Thứ ba, trình độ của tư liệu sản xuất phải phù hợp với trình độ và năng lực lao động của người dân ven biển.

Thứ tư, sự kết hợp sức lao động của người dân ven biển miền Trung và tư liệu sản xuất phải tạo ra một loại sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nhất định nào đó.

Thứ năm, sự kết hợp giữa tư liệu sản xuất và sức lao động đó không bị pháp luật ngăn cấm.

1.2. Đặc điểm việc làm của người dân ven biển

Người dân ven biển đã làm các nghề chính liên quan đến biển như: khai thác thủy sản - được coi là sản phẩm chính nuôi sống ngư dân và gia đình của họ, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản, kinh doanh buôn bán thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn và làm muối.

Việc làm người dân ven biển có các đặc điểm sau:

- Các hộ gia đình ven biển đa số là những hộ nghèo nên bị hạn chế về việc làm, đặc biệt là nguồn lực tài chính và nguồn lực con người

+ Nguồn lực tài chính luôn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra một việc làm ổn định và an toàn trước các tác động của môi trường bên ngoài. Người nghèo đều có những đặc điểm khá giống nhau về chất lượng nhà ở, tiếp cận đất đai, dự trữ tài sản vật chất và tình trạng nợ nần (ví dụ như vay ngân hàng).

+ Nguồn lực con người, thể hiện qua kiến thức và kỹ năng mà hộ gia đình áp dụng để thực hiện việc làm, cũng là yếu tố quyết định việc hộ gia đình có thể thực hiện được một việc làm nào đó không.

- Việc làm của người dân ven biển đều phụ thuộc vào khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên thủy sản.

Khác với sinh kế của cộng đồng dân cư khác, tại hầu hết các cộng đồng dân cư ven biển, họ ít có sự lựa chọn nghề nghiệp, chủ yếu sống bằng nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp cha truyền con nối. Các hoạt động sinh kế của người dân thường xoay quanh các nguồn lợi từ biển, trong đó nguồn lợi hải sản là nền tảng sinh kế chính. Quan niệm “điền tư, ngư chung” hầu như đã ngự trị trong suy nghĩ của ngư dân, kết hợp với việc ít có sự lựa chọn nghề nghiệp kiếm sống ngoài nghề khai thác hải sản đã khiến cho nguồn tài nguyên, nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt, tạo ra vòng luẩn quẩn nghèo đói đối với ngư dân. Cơ sở hạ tầng ở địa phương, đặc biệt là hệ thống đê biển, thủy lợi, thoát nước... cũng ảnh hưởng lớn đến việc làm người dân. Tuy nhiên, những yếu tố này đều nằm ngoài năng lực và sự kiểm soát của các hộ gia đình.

1.3. Tác động của biến đổi môi trường sinh thái tới việc làm của người dân ven biển

Sự suy giảm các chức năng sinh thái của các hệ sinh thái biển sẽ gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc làm của người dân ven biển sống phụ thuộc nhiều vào các hàng hóa và dịch vụ mà các hệ sinh thái này cung cấp. Cụ thể:

Đối với hoạt động đánh bắt, chế biến thủy sản, kinh doanh buôn bán thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá: Biến đổi môi trường sinh thái sẽ làm suy giảm năng suất chung của đại dương. Hiện tượng phú dưỡng và tình trạng san hô chết, môi trường sống

của cá bị thay đổi, sự thay đổi nhiệt độ làm cá di cư, a xít hóa đại dương và sự gia tăng nhiệt độ sẽ ảnh hưởng đến sự phân bố, tính đa dạng và trữ lượng của nguồn lợi thủy sản, từ đó sẽ làm ảnh hưởng đến ngư trường đánh bắt và sản lượng đánh bắt của ngư dân. Trước tình trạng đó, một bộ phận người dân ven biển đã đánh bắt quá mức, sử dụng các phương pháp đánh bắt hủy diệt (bằng lưới mắt nhỏ, bằng mìn, bằng điện), cùng với các nguồn ô nhiễm từ đất liền (nước thải công nghiệp), lắng đọng trầm tích từ các hoạt động trên đất liền, làm cho sinh kế của người dân ven biển ngày càng khó khăn hơn.

Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: Biến đổi môi trường sinh thái làm gia tăng nhiệt độ của nước, từ đó sẽ tạo ra những thay đổi không thể dự đoán trước về năng suất nuôi trồng. Điều kiện môi trường thay đổi làm gia tăng mầm bệnh và ký sinh trùng.

Đối với hoạt động diêm nghiệp: Biến đổi môi trường sinh thái do xả nước thải chưa qua xử lý và các chất ô nhiễm hóa học vào nguồn nước ở vùng ven biển, làm nguồn nước bị ô nhiễm, gây ảnh hưởng tới chất lượng muối và thị trường tiêu thụ.

Đối với hoạt động du lịch: Biến đổi môi trường sinh thái gây ra bão, xói mòn và mưa, gây thiệt hại về cơ sở hạ tầng và mất các bãi biển. Chất lượng

khan hiếm nguồn nước, di dân đến các khu đô thị do suy giảm năng suất của các hệ sinh thái biển và sự sẵn có về thực phẩm. Đồng thời, người dân ven biển sẽ có nhiều nhu cầu khác nhau hơn để ổn định sinh kế trong tương lai nhất là việc đào tạo và chuyển đổi nghề.

2. Phân tích việc làm của người dân ven biển sau biến cố môi trường biển

Để thấy được việc làm và nhu cầu liên quan đến việc làm của người dân ven biển sau biến cố môi trường biển cần xem xét những ảnh hưởng tới các công việc chính của người dân ven biển. Biến đổi môi trường biển đã ảnh hưởng đến 7 huyện, thị ven biển của tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm: Huyện Thạch Hà, Nghi Xuân, Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh và thành phố Hà Tĩnh với tổng 57.284 hộ, số nhân khẩu là 216.723 người. Theo Báo cáo của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh với tổng số 57.284 hộ gia đình với 216.723 người bị ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp thì tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo tương ứng là 12,91%; 8,17%; 3,06% (Xem bảng 1). Trong đó, tổng số hộ bị ảnh hưởng trực tiếp là 22.780 hộ và tương ứng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo là 8,2% và 8,42%.

Bảng 1: Bảng tổng hợp gia đình thuộc các xã bị ảnh hưởng của sự cố môi trường chia theo đối tượng

Tổng số		Chia theo đối tượng							
		Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Hộ mới thoát nghèo		Khác	
Số hộ	Số nhân khẩu (Người)	Số hộ	Số nhân khẩu (Người)	Số hộ	Số nhân khẩu (Người)	Số hộ	Số nhân khẩu (Người)	Số hộ	Số nhân khẩu (Người)
57.284	216.723	7.397	18.492	4.685	18.254	1.754	7.070	43.448	172.907

Nguồn: Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Hà Tĩnh[4]

nước bị suy giảm, ảnh hưởng đến các bãi biển. Chi phí bảo hiểm du lịch gia tăng ở những vùng biển có nguy cơ ảnh hưởng cao.

Khi các sinh kế hiện tại bị tổn thương trước tác động của biến đổi môi trường sinh thái, người dân sẽ phải nỗ lực tiến hành các hoạt động thích ứng trước sự thay đổi này, ví dụ như: mất đất ven biển dẫn đến sự khan hiếm tài nguyên đất và tạo ra sự di cư của con người, xung đột về sử dụng nước do sự

Bên cạnh đó, theo thống kê của Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh cho thấy, trong 7 huyện, thị ven biển của tỉnh thì các hộ bị ảnh hưởng với tỷ lệ cao nhất thuộc thành phố Hà Tĩnh, huyện Lộc Hà, huyện Nghi Xuân, huyện Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh (Tỷ lệ số hộ bị ảnh hưởng lần lượt là 100%, 51,44%; 49,26%; 34,69% và 62,39%). Để có thể xem xét về ảnh hưởng việc làm của người dân ven biển các huyện, thị của tỉnh sau sự cố môi trường biển tháng

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

4/2016 chúng ta cần xem xét về tình trạng hoạt động kinh tế của các thành viên trong hộ gia đình trước và sau thời điểm xảy ra sự cố (Xem bảng 2).

Sau sự cố môi trường xảy ra, 7 nhóm ngành nghề bị ảnh hưởng nhiều nhất bao gồm: Khai thác thủy sản; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thủy sản; Bán

Bảng 2: Tình trạng hoạt động kinh tế của các thành viên trong hộ gia đình trước và sau sự cố

	Đang làm việc			Thất nghiệp			Khác		
	Trước	Sau	Tăng/giảm	Trước	Sau	Tăng/giảm	Trước	Sau	Tăng/giảm
TỔNG (người)	125.616	105.578	-20.038	1.329	20.787	+19.458	30.182	30.766	+584

Nguồn: Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Hà Tĩnh[4]

Theo đó, xét thời gian từ tháng 1/2016 đến tháng 3/2016 với 216.723 người của 57.284 hộ bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường thì đang làm việc là 125.616 người (tỷ lệ 57,96%), thất nghiệp là 1.329 người (0,61%), đi học là 59.596 người (27,50%), khác là 30.182 người (13,93%). Trong số đang làm việc, thất nghiệp, đi học và khác tỷ lệ nữ tương ứng là: 47,91%; 56,5%; 48,95%; 57,38%. Số liệu bảng 2 cho thấy, số lượng đang làm việc sau sự cố giảm mạnh 20.038 người. Trong đó, một số lao động đã chuyển sang ngành nghề khác, hoặc tham gia đi học... nên số khác tăng lên 584 người song số lượng lao động thất nghiệp vẫn tăng lên 19.458 người.

Cụ thể số lượng 125.616 người đang làm việc có các công việc chính khác nhau và cũng khác nhau ở từng công việc khi xem xét về giới tính và độ tuổi. Nếu xét về tuổi tác của các nhân khẩu bị ảnh hưởng, có thể thấy nhóm tuổi 30 đến 54 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (30,78%), trong đó nữ chiếm 49,23% tổng số; tiếp đến là độ tuổi từ 15 đến 29 tuổi (28,45%) trong đó nữ chiếm 46,8%. Bên cạnh đó, công việc hiện tại của các lao động có sự khác nhau nếu xem xét về giới tính (Xem bảng 3).

buôn và bán lẻ thủy sản; Dịch vụ hậu cần nghề cá; Diêm nghiệp. Đây là các nhóm ngành nghề có sự liên quan trực tiếp tới sự cố môi trường gây biến đổi môi trường sinh thái. Trong số đó, phụ nữ tham gia nhiều nhất vào các nghề: chế biến thủy sản; Bán buôn, bán lẻ thủy sản; dịch vụ hậu cần nghề cá; dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn. Mặt khác, có thể thấy rõ sự thay đổi về công việc chính của lao động trước và sau sự cố theo 7 nhóm ngành nghề chính bị ảnh hưởng ở bảng 4.

Theo số liệu cho thấy, các ngành có số lao động bị ảnh hưởng lớn nhất bao gồm: Khai thác thủy sản (giảm 14.770 người, chiếm 73,71% số lao động đang làm việc giảm sau sự cố), tiếp đến là các ngành bán buôn, bán lẻ thủy sản (giảm 5.736 người, chiếm 28,63% số lao động đang làm việc giảm sau sự cố), ngành Dịch vụ hậu cần nghề cá (giảm 1.015 người, chiếm 5,07% số lao động đang làm việc giảm sau sự cố) và các ngành khác lần lượt đó là: Chế biến thủy sản; Nuôi trồng thủy sản; Dịch vụ, du lịch, nhà hàng khách sạn và Diêm nghiệp. Như vậy, tổng số lao động đánh bắt, nuôi trồng, kinh doanh; dịch vụ hậu cần nghề cá; nhà hàng, khách sạn, làm muối đã giảm

Bảng 3: Công việc chính của lao động trước sự cố

Đơn vị: Người

TỔNG	Khai thác thủy sản		Nuôi trồng thủy sản		Chế biến thủy sản		Bán buôn, bán lẻ thủy sản		Dịch vụ hậu cần nghề cá		Dịch vụ du lịch, nhà hàng khách sạn		Diêm nghiệp		Khác	
	Chung	Nữ	Chung	Nữ	Chung	Nữ	Chung	Nữ	Chung	Nữ	Chung	Nữ	Chung	Nữ	Chung	Nữ
125.616	19.999	4.517	3.293	1.113	1.704	1.543	8.724	8.101	2.053	1.543	1.279	813	1.647	939	86.917	41.614

Nguồn: Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Hà Tĩnh[4]

Bảng 4: Bảng so sánh công việc chính của lao động trước và sau sự cố môi trường theo 7 nhóm ngành nghề chính

Đơn vị: Người

Khai thác thủy sản			Nuôi trồng thủy sản			Chế biến thủy sản			Bán buôn, bán lẻ thủy sản		
Trước	Sau	Tăng/giảm	Trước	Sau	Tăng/giảm	Trước	Sau	Tăng/giảm	Trước	Sau	Tăng/giảm
19.999	5.229	-4.770	3.293	2.470	-823	1.704	719	-985	8.724	2.988	-5.736
Dịch vụ hậu cần nghề cá			Dịch vụ du lịch, nhà hàng khách sạn			Diêm nghiệp					
Trước	Sau	Tăng/giảm	Trước	Sau	Tăng/giảm	Trước	Sau	Tăng/giảm			
2.053	1.038	-1.015	1.279	587	-692	1.647	1.219	-428			

Nguồn: Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Hà Tĩnh[4]

24.449 người sau sự cố. Trong khi đó, tổng số lao động làm các ngành nghề khác tăng lên 4.411 người. Do đó, có thể thấy một số lượng lao động đang không có việc làm và có nhu cầu khác nhau liên quan đến việc làm như: đào tạo, học nghề; xuất khẩu lao động hoặc hỗ trợ tạo việc làm (Xem bảng 5).

xuất kinh doanh cả trong và ngoài tỉnh trong đó nhu cầu vay vốn tạo việc làm là rất lớn), nhu cầu xuất khẩu lao động và nhu cầu đào tạo nghề, học nghề để có thể chuyển đổi nghề nghiệp. Về nhu cầu xuất khẩu lao động, hầu hết người dân các tỉnh có nhu cầu tham gia thị trường lớn, có chất lượng như Nhật

Bảng 5: Tổng hợp nhu cầu liên quan đến việc làm của người dân ven biển trong bối cảnh biến đổi môi trường sinh thái

TT	Nhu cầu	Số lượng chung (người)	Số lượng nữ (người)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Đào tạo nghề, học nghề	11.531	5.032	43,64	
1	Nhu cầu học các nghề ngắn hạn*	8.691	2.828	32,54	* sơ cấp, dưới 03 tháng
2	Nhu cầu học trung cấp	2.061	754	36,58	
3	Nhu cầu học nghề cao đẳng	779	292	37,48	
II	Nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài	17.353	5.457	31,45	
III	Nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm	31.933	17.216	53,91	
IV	Nhu cầu vay vốn học nghề	1.620	782	48,27	
V	Nhu cầu vay vốn đi XKLD	12.976	3.939	30,35	

Nguồn: Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Hà Tĩnh[4]

Có thể thấy, người dân ven biển có các nhu cầu chính bao gồm: nhu cầu hỗ trợ tạo việc làm (bao gồm các nhu cầu: Nhu cầu hỗ trợ vay vốn để tạo việc làm; Nhu cầu tư vấn, giới thiệu việc làm; Nhu cầu hỗ trợ việc làm thông qua các chính sách việc làm công và Nhu cầu vào làm việc tại các cơ sở sản

Bán, Hàn Quốc, Đài Loan... Nhu cầu đào tạo nghề, học nghề là một nhu cầu thiết yếu để chuyển đổi sinh kế cho người dân ven biển trong tương lai, tuy nhiên nhu cầu này phụ thuộc nhiều vào lứa tuổi, giới tính cũng như trình độ và ngành nghề đào tạo. Theo bảng 5 cho thấy, nếu theo trình độ thì đối với nữ giới

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

tỷ lệ có nhu cầu đào tạo nghề, học nghề có nhu cầu theo trình độ từ cao đẳng xuống sơ cấp và tỷ lệ so với nam giới luôn thấp hơn (dưới 40%). Xét theo trình độ đào tạo và ngành nghề đào tạo thì nhu cầu học nghề cũng có sự khác nhau (Xem bảng 6).

việc thực hiện các chính sách khắc phục, chuyển đổi sinh kế cho người dân ven biển gặp nhiều khó khăn. Thêm vào đó, sự cô môi trường biển ảnh hưởng đến tâm lý của người dân nên việc khôi phục hoạt động du lịch biển sẽ chậm và mất nhiều thời gian. Mặt

Bảng 6: Tổng hợp nhu cầu học nghề chia theo ngành nghề đào tạo

Đơn vị: Người

TRÌNH ĐỘ	TỔNG	CHIA THEO NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO							
		Đánh bắt hải sản	Vận hành tàu thuyền	Nuôi trồng thủy sản	Chăn nuôi	Cơ khí, điện, điện tử	Giao thông, xây dựng	Nhà hàng, khách sạn	Khác
	11.531	1.715	239	1.510	2.288	1.854	331	705	2.889
Trình độ sơ cấp nghề	8.691	2.818	368	918	1.488	805	270	277	2.654
Trình độ trung cấp	2061	113	68	165	201	696	88	213	517
Trình độ cao đẳng	779	20	21	60	56	297	23	77	225

Nguồn: Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Hà Tĩnh[4]

Số liệu bảng trên cho thấy, trừ các ngành nghề khác (không thuộc 7 ngành nghề chính xem xét), đối với trình độ sơ cấp nghề, đánh bắt hải sản là ngành nghề có số lượng nhu cầu cao nhất, tiếp đến là các ngành như chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cơ khí, điện, điện tử; vận hành tàu thuyền; nhà hàng, khách sạn; Giao thông, xây dựng. Đối với trình độ trung cấp, ngành có nhu cầu cao nhất lại là Cơ khí, điện, điện tử, sau đó đến Nhà hàng, khách sạn; Chăn nuôi rồi mới đến các ngành khác có liên quan đến đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, vận hành tàu thuyền. Trong khi đó, trình độ cao đẳng có nhu cầu ít hơn nhiều so với 2 loại trình độ trên, nhu cầu có sự tương đồng với trình độ trung cấp. Cụ thể, Cơ khí, điện, điện tử có số lượng người có nhu cầu cao nhất, và tiếp đến là nhu cầu nhà hàng, khách sạn, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, giao thông xây dựng, vận hành tàu thuyền, đánh bắt thủy sản.

Từ việc phân tích những ảnh hưởng của biến đổi môi trường và nhu cầu việc làm của người dân ven biển dưới tác động của những ảnh hưởng đó, bài viết rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, sự cô môi trường biển với sự biến đổi môi trường sinh thái đã tác động lớn đến tâm tư, đời sống, việc làm người dân trên phạm vi rộng dẫn đến

khác, đây là sự cô chưa có tiền lệ, xảy ra lần đầu, đối tượng chịu ảnh hưởng nhiều, rộng, phức tạp, các cơ quan chức năng của các tỉnh ven biển miền Trung còn những hạn chế trong việc xử lý dẫn đến làm chậm tiến độ thực hiện công tác khắc phục sự cô môi trường biển, hỗ trợ chưa đúng mức các nhu cầu liên quan đến việc làm trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, nhu cầu về hỗ trợ tạo việc làm và cụ thể là nhu cầu được nhận vào làm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước lớn song thực tế lao động đáp ứng để được nhận vào làm còn thấp, thực tế tỉnh đã tạo điều kiện cho 1.974 người làm việc trong và ngoài tỉnh nhưng mới chiếm 31,58% so với nhu cầu của người dân [3,6].

Thứ ba, số lao động có nhu cầu tham gia học nghề và được Nhà nước hỗ trợ học nghề còn thấp, các ngành nghề đào tạo nhìn chung chưa gắn với thực tế ngành nghề của lao động tại các địa phương này, đặc biệt là các nghề liên quan đến hoạt động sản xuất gắn liền với biển. Bởi lẽ thực trạng phần lớn lao động vùng ven biển chủ yếu chưa qua đào tạo, lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo và mới thoát nghèo chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Đồng thời lao động là người già, trẻ em cũng chiếm một tỷ lệ cao. Thêm vào đó, tâm lý của người dân không muốn thay đổi

nghề truyền thống, đa số người dân ven biển trở về nghề cũ để sản xuất, kinh doanh. Cán bộ phụ trách công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cấp xã kiêm nhiệm nhiều việc nên trong quá trình tổ chức thực hiện chưa thực sự hiệu quả. Đồng thời do nhận thức của người lao động vùng biển còn hạn chế và có một tỷ lệ nữ trong dân số. Mặt khác, trong những năm qua, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề dưới 3 tháng trên địa bàn các tỉnh bị ảnh hưởng chưa đủ điều kiện để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các nghề người lao động tại các địa phương này có nhu cầu cao như: Đánh bắt hải sản xa bờ bằng lưới kéo; Vận hành, bảo trì tàu cá; Lắp ráp, sửa chữa ngư cụ; Thuyền trường tàu cá hàng tư; Đan lưới...

Thứ tư, số lượng lao động là người dân ven biển chịu ảnh hưởng bởi biến đổi môi trường tham gia tìm kiếm việc làm và tham gia các thị trường lao động có chất lượng cao không nhiều nhất là các thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc... Hiệu quả của việc hỗ trợ tạo việc làm, xuất khẩu lao động chưa đồng bộ. Theo số liệu tính toán, lao động thực tế đủ điều kiện xuất khẩu chưa cao so với nhu cầu, Hà Tĩnh có 5.204 người (đạt tỷ lệ 29,99% nhu cầu) [3,6]. Điều này do trình độ học vấn của người lao động ở vùng biển nhìn chung là thấp nên việc tham gia tìm kiếm việc làm và các thị trường lao động có chất lượng cao như Nhật Bản, Hàn Quốc... bị hạn chế. Một trong những nguyên nhân nữa là do lượng lao động cư trú bất hợp pháp khá đông (như ở thị trường Đài Loan), do vậy những lao động khác muốn xuất khẩu lao động không còn cơ hội tiếp cận các chương trình ưu việt như Chương trình cấp phép việc làm (EPS) với chi phí xuất khẩu thấp hơn rất nhiều. Vai trò của chính quyền địa phương trong việc hướng dẫn, tổ chức cho người lao động chưa thực sự hiệu quả cao nhất. Chức năng quản lý nhà nước về lao động, việc làm tại các tỉnh, địa phương còn thực hiện chưa đầy đủ.

Thứ năm, các tỉnh triển khai theo Quyết định số 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ không có chính sách hỗ trợ một lần cho việc đóng mới, cải hoán tàu cá nên việc triển khai Quyết định trên gặp khó khăn trong quá trình thực hiện. Mặt khác, để triển khai Quyết định này cần các Kế hoạch cụ thể, song ở tỉnh các sở ban ngành liên quan đã và đang trong quá trình xây dựng để thực hiện cụ thể theo từng lĩnh vực, đặc biệt trong khôi phục sản xuất; hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm; khôi phục phát triển du lịch; hỗ trợ lãi suất và xử lý nợ.

3. Một số gợi ý chính sách

Như vậy, từ việc rút ra một số vấn đề cần phải giải quyết về nhu cầu việc làm cho người dân ven biển của tỉnh trong bối cảnh biến đổi môi trường sinh thái, bài viết đưa ra một số gợi ý chính sách để tạo sinh kế bền vững cho người dân ven biển:

Một là, tiếp tục thực hiện các chính sách ổn định đời sống và nâng cao nhận thức cho người dân ven biển về đào tạo, học nghề chuyển đổi việc làm và ổn định sinh kế trong tương lai trước bối cảnh biến đổi môi trường sinh thái. Tỉnh cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ để cho người dân ven biển hiểu rõ và biết đăng ký tham gia. Để thực hiện được hiệu quả vấn đề này cần tận dụng và phát huy tối đa chính quyền cấp cơ sở ở các địa phương xã, huyện. Bởi lẽ đây chính là cơ quan quản lý nhà nước gần nhất với người dân ven biển. Các cơ quan chức năng và UBND xã cần tiếp cận những hộ đã nhận tiền bồi thường để tư vấn cho họ sử dụng tiền bồi thường vào hoạt động sinh kế mà người dân lựa chọn, tránh sự tiêu dùng lãng phí. Cần đưa ra các chính sách đồng bộ về việc làm đồng thời có các kế hoạch cụ thể, chi tiết trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, nâng cao kiến thức về các chính sách hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cho người dân như: Luật Đất đai, Luật Lao động, chính sách về phát triển kinh tế, an sinh xã hội... bằng cách xây dựng và phát triển đội ngũ tuyên truyền viên, mở các lớp bồi dưỡng, đào tạo,

Hai là, tăng cường và điều chỉnh hoạt động đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu và năng lực cho người lao động ven biển; xã hội hóa công tác đào tạo nguồn nhân lực. Theo đó, tỉnh cần rà soát và đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nghề cho người lao động; trong đó tập trung vào các ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu của lao động ven biển và có cơ hội tìm kiếm việc làm cao, chú ý tới độ tuổi và giới tính của người lao động. Đồng thời tỉnh cần có các giải pháp tư vấn kịp thời về đào tạo nghề đến tận các hộ dân đảm bảo ổn định sinh kế bền vững cho người dân ven biển trong tương lai trong bối cảnh biến đổi môi trường sinh thái.

Ba là, nâng cao hiệu quả các giải pháp chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho người dân ven biển. Để có thể hỗ trợ hiệu quả về tạo việc làm cho người dân ven biển chính quyền tỉnh cần phát triển thị trường lao động; tăng cường tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động bị ảnh hưởng bởi sự cố

môi trường biển; phổ biến, cung cấp thông tin thị trường lao động, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường kết nối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở đào tạo nghề nghiệp để hỗ trợ người dân ven biển vào làm việc, nhất là sau khi đã đào tạo nghề. Cần tìm các giải pháp tạm ứng hỗ trợ vốn cho người dân một cách kịp thời bên cạnh trong khi chờ kinh phí hỗ trợ từ Trung ương về việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Thêm vào đó, cần khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường liên kết với các hộ nuôi trồng thủy sản và đánh bắt thủy sản trong việc đầu tư nâng cao năng lực và bao tiêu sản phẩm.

Bốn là, đẩy mạnh chính sách và các hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tỉnh cần có chính sách tập trung vào khai thác các thị trường có thu nhập cao, tình hình an ninh chính trị và kinh tế - xã hội ổn định mà lao động tỉnh mình có lợi thế; thực hiện tốt công tác tạo nguồn lao động để chủ động đăng ký tham gia ứng tuyển khi có đơn hàng. Hỗ trợ các doanh nghiệp tuyển nguồn lao động đi xuất khẩu và tổ chức đào tạo cho người lao động cả trước và sau khi trúng tuyển để người lao động có thể nhanh chóng tiếp cận với công việc khi ra nước ngoài làm việc. Tập trung khai thác và đưa lao động đi làm việc ở các thị trường chất lượng cao như chương trình tiếp nhận các ngành kỹ sư của Nhật Bản, đưa lao động hộ lý, điều dưỡng có trình độ từ cao đẳng trở lên sang làm việc tại Nhật Bản, Đức; đưa lao động có tay nghề sang làm việc tại Hàn Quốc theo chương trình EPS và chương trình kỹ sư theo visa E7.

Kết luận

Có thể thấy sự cố môi trường là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự biến đổi môi trường sinh thái một cách nghiêm trọng đã và đang ảnh hưởng rất lớn tới việc làm và nhu cầu việc làm của người dân ven biển tỉnh Hà Tĩnh. Do vậy, chính quyền tỉnh cần tiếp tục có các chính sách thiết thực để hỗ trợ sinh kế cho người dân nhất là một số huyện nghèo ven biển bị ảnh hưởng lớn sau sự cố. Những đề xuất cần mang tính tổng thể về liên quan đến dạy nghề, việc làm, xuất khẩu lao động... và đảm bảo tính bền vững, để người dân có thể linh hoạt trong chuyển đổi nghề khi có bất kỳ sự cố nào hay rủi ro nào có thể xảy ra trong tương lai. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017), *Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 về Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.*

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018), *Công văn số 1918/LĐTBXH-VL ngày 18 tháng 5 năm 2018 về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.*

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh (2017), *Báo cáo kết quả thực hiện các chính sách về hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.*

4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh (2017), *Tổng hợp số liệu điều tra về việc làm trước và sau sự cố môi trường.*

5. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017, Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”.*

6. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2017), *Báo cáo ngày 27/3/2017 Tình hình khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân; kết quả bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường.*

7. website: <http://hatinh.gov.vn>, qppl.hatinh.gov.vn.

Summary

The marine environmental disaster has greatly affected the central coastal provinces and Ha Tinh is one of the provinces most affected. In particular, it has seriously affected the employment of coastal people, increasing unemployment and the transformation of livelihoods is still very difficult. The paper summarizes the employment-related effects and employment needs of Ha Tinh coastal residents after the catastrophe so far and gives some policy implications for stabilizing people's livelihoods in the future.